

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 05-4-2024

V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Vũ Đức Kiều

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1.1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ H ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

1.2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị Thùy T; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Vào ngày 15/3/2021, chị D và anh K, chị T có chung nhau tham gia 01 chân hội 5.000.000đ/tháng, hội gồm có 26 người tham gia hội, một tháng số 01 lần, ai

bỏ cao thì người đó được hốt hụi, chị **D** và vợ chồng ông **K**, bà **T** hốt hụi đầu tiên với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, chị **D** nhận 50.000.000 đồng và vợ chồng anh **K**, chị **T** nhận 50.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong thì chị **D** và vợ chồng anh **K**, chị **T** cùng đóng hụi chết mỗi tháng là 5.000.000 đồng, đóng được đến lần thứ 17 thì anh **K**, chị **T** không đóng hụi nữa nên anh **K**, chị **T** mượn tiền của chị **D** và nhờ chị **D** đóng tiếp chân hụi chết cho anh **K**, chị **T** là 9 lần, mỗi lần là 2.500.000 đồng, chị **D** đã đóng dùm cho anh **K**, chị **T** đến khi mãn hụi, chị **D** có yêu cầu anh **K**, chị **T** trả lại cho chị số tiền là 22.500.000 đồng mà chị đã bỏ ra đóng dùm cho vợ chồng anh **K**, chị **T** nhưng vợ chồng anh **K**, chị **T** cố tình né tránh không trả lại cho chị số tiền nêu trên. Chị có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết và tại buổi hòa giải tại ấp thì vợ chồng anh **K**, chị **T** có thừa nhận nợ chị **D** số tiền 22.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng, chị **D** không đồng ý nên hòa giải không thành.

Nay chị **D** yêu cầu vợ chồng anh **K**, chị **T** có trách nhiệm liên đới trả cho chị **D** số tiền là 22.500.000 đồng mà anh **K**, chị **T** nhờ chị **D** đóng hụi chết dùm cho vợ chồng anh **K**, chị **T**, chị **D** không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Thùy T**: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Thùy T** vắng mặt.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Cẩm D** đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Thùy T**, về án phí anh **K** và chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:* Chị **D** khởi kiện anh **K**, chị **T** về việc yêu cầu vợ chồng anh **K**, chị **T** có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị **D** số tiền hụi mà chị đã đóng dùm cho vợ chồng anh **K**, chị **T** là 22.500.000 đồng, bị đơn anh **K**, chị **T** có nơi cư trú tại **ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa hai bên là tranh chấp đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Thùy T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **K**, chị **T** không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa chị **D** đồng ý xử vắng mặt bị đơn anh **K**, chị **T**. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu của chị **D** về việc yêu cầu vợ chồng anh **K**, chị **T** có trách nhiệm liên đới trả cho chị **D** số tiền là 22.500.000 đồng mà anh **K**, chị **T** nhờ chị **D** đóng hụi chết dùm cho vợ chồng anh **K**, chị **T**, chị **D** không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 15/3/2021, chị **D** và anh **K**, chị **T** có chung nhau tham gia 01 chân hụi 5.000.000đ/tháng, hụi gồm có 26 người tham gia hụi, một tháng số 01 lần, ai bỏ cao thì người đó được hốt hụi, chị **D** và vợ chồng ông **K**, bà **T** hốt hụi đầu tiên với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, chị **D** nhận 50.000.000 đồng và vợ chồng anh **K**, chị **T** nhận 50.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong thì chị **D** và vợ chồng anh **K**, chị **T** cùng đóng hụi chết mỗi tháng là 5.000.000 đồng, đóng được đến lần thứ 17 thì anh **K**, chị **T** không đóng hụi nữa nên chị **D** phải bỏ tiền ra để đóng tiếp chân hụi chết cho anh **K**, chị **T** là 9 lần, mỗi lần là 2.500.000 đồng, chị **D** đã đóng hụi đến khi mãn hụi.

Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, chị **T**, anh **K** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm đối với khoản nợ anh **K**, chị **T** nợ nguyên đơn như trong giấy nhận nợ ngày 20/11/2021 hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và

các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Như vậy, anh **K**, chị **T** đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là hợp pháp. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 27/02/2024 của Tòa án thì ông **Nguyễn Văn T1** là Phó trưởng **ấp P, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cũng xác nhận thì có mời các đương sự lên giải quyết thì anh **K**, chị **T** có thừa nhận nợ chị **D** số tiền hụi mà chị **D** đã đóng dùm là 22.500.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng vợ chồng anh **K**, chị **T** không đồng ý nên hòa giải không thành có sự chứng kiến và ký xác nhận của ông **T1** trong biên bản hòa giải tại **ấp P** ngày 19/9/2023. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị **D** là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Chị **D** không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên: Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **D**; buộc anh **K** và chị **T** phải trả cho chị **D** số tiền là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của chị **D** được Tòa án chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh **K**, chị **T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Cẩm D**.
2. Buộc anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Thùy T** phải trả cho chị **Nguyễn Thị Cẩm D** số tiền là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị **D** có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh **K**, chị **T** không trả số tiền trên thì còn phải trả cho chị **D** khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Thùy T** có nghĩa vụ nộp án phí là 1.125.000 đồng (Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị **Nguyễn Thị Cẩm D** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 562.000 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000212 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận : **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THA Dân sự huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã

ký)

Phan Thị

Quyên

